

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1033/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số
giai đoạn 2026 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG		
ĐẾN Số: 1192 Ngày: 09/06/2026		
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường	X	
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng	X	
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hùng		
P. NV&KT,GS		X
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX	X	
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 179/TTr-BKHCN ngày 07 tháng 10 năm 2025, Văn bản số 3683/BKHCN-KTXHS ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 3860/BKHCN-KTXHS ngày 04 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế số và xã hội số là động lực chiến lược thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên số. Kinh tế số là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Xã hội số phải bảo đảm tính bao trùm, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong kỷ nguyên số.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hình thành phương thức sản xuất mới trong đó dữ liệu trở thành tư liệu sản xuất chính, trí tuệ nhân tạo là công cụ sản xuất chủ yếu, môi trường số là môi trường phát triển an toàn, tin cậy và bảo đảm chủ quyền quốc gia. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt thông qua hệ thống thể chế, cơ chế chính sách đồng bộ, hạ tầng số hiện đại, công nghệ chiến lược và nguồn nhân lực chất lượng cao; lấy doanh nghiệp và người dân là trung tâm, là chủ thể sáng tạo và là đối tượng thụ hưởng. Đồng thời tăng cường cơ chế giám sát, thực thi pháp luật hiệu quả, minh bạch, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường số.

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số phải gắn với nâng cao năng lực tự chủ công nghệ của các doanh nghiệp trong nước, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, dữ liệu cá nhân và chủ quyền số quốc gia. Tập trung nguồn lực phát triển và từng bước làm chủ các công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, hạ tầng viễn thông thế hệ mới và các công nghệ số tiên tiến khác.

4. Phát triển kinh tế số và xã hội số phải được triển khai đồng bộ, toàn diện và rộng khắp trong mọi ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội, bảo đảm tính bền vững và lâu dài. Đồng thời, phát triển kinh tế số và xã hội số gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi xanh, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

5. Phát triển kinh tế số và xã hội số gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Chủ động tiếp thu tri thức, công nghệ nguồn và nguồn lực từ đối tác quốc tế; tham gia tích cực vào các sáng kiến, chuẩn mực và chuỗi giá trị số toàn cầu, từng bước khẳng định

vai trò và vị thế của Việt Nam như một trung tâm công nghệ số năng động trong khu vực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền kinh tế số năng động dựa trên nền tảng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; từng bước hình thành phương thức sản xuất mới, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, phát triển xanh và bền vững. Đồng thời, kiến tạo xã hội số văn minh, an toàn và bao trùm, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng các thành quả của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

a) Về kinh tế số

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt khoảng 30%;
- Hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số;
- Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến;
- Phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 5 sản phẩm;
- Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP;
- Tỷ trọng quy mô đào tạo giáo dục đại học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 40%.

b) Về xã hội số

- Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đạt 100%;
- Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 99% dân số;
- 100% công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cơ bản cho tối thiểu 10.000.000

lượt người trong độ tuổi lao động.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số. Trọng tâm là hoàn thiện thể chế về dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy thị trường số cạnh tranh lành mạnh; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường điều phối liên ngành và hiệu quả thực thi. Xây dựng, cập nhật và công bố hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số.

2. Phát triển hạ tầng số nhanh, đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm kết nối số toàn dân và tạo nền tảng cho kinh tế số, xã hội số. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư các hạ tầng số chiến lược và hạ tầng số công cộng thiết yếu; doanh nghiệp phát triển các hạ tầng số khác theo cơ chế thị trường. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng, 5G và thể hệ mạng di động tiếp theo, Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. Phát triển hạ tầng tính toán và lưu trữ dữ liệu gồm trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo theo mô hình dịch vụ. Phát triển hạ tầng số tin cậy, bảo đảm an ninh mạng; tối ưu hóa, thông minh hóa hạ tầng truyền thông; thúc đẩy phát triển hạ tầng số xanh, tiết kiệm năng lượng. Tăng cường kết nối, liên thông và công nhận lẫn nhau hạ tầng số công cộng trong nước và quốc tế.

3. Phát triển nền tảng số dùng chung, nền tảng số quốc gia và hệ sinh thái số do Việt Nam làm chủ, ưu tiên giải quyết các bài toán kinh tế, xã hội và môi trường mang tính liên ngành, liên vùng. Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh; hình thành hệ thống dữ liệu thời gian thực, tăng cường chia sẻ và tích hợp dịch vụ. Khuyến khích doanh nghiệp phát triển nền tảng số theo mô hình dịch vụ, mở API, kết nối liên thông, hình thành hệ sinh thái số theo từng ngành, lĩnh vực.

4. Phát triển kinh tế dữ liệu trở thành nguồn lực mới và động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số. Tập trung xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng mô hình quản trị dữ liệu, trong đó thúc đẩy chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, tạo điều kiện cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu mở, dữ liệu được chia sẻ và dữ liệu đã được xử lý, ẩn danh theo quy định của pháp luật để phát triển sản phẩm, dịch vụ số; phát triển dữ liệu mở và hình thành thị trường dữ liệu bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu, từ điển dữ liệu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài sản dữ liệu, quyền sở hữu, khai thác và phân phối giá trị dữ liệu; thí điểm sản giao dịch dữ liệu và cơ chế lưu chuyển dữ liệu, bao gồm luồng dữ liệu xuyên biên giới phù hợp với quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phát triển hạ tầng dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và các nền

tăng khai thác, phân tích dữ liệu; tổ chức nghiên cứu, xây dựng phương pháp đo lường kinh tế dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách và thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu. Xây dựng các tình huống khai thác, sử dụng, tái sử dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế - xã hội trên môi trường số.

5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa vận hành và đổi mới phương thức ra quyết định trên dữ liệu, bảo đảm các nguyên tắc về đạo đức trí tuệ nhân tạo, an toàn và bảo vệ quyền riêng tư. Mỗi bộ, ngành, lĩnh vực xác định và triển khai các bài toán trọng điểm có thể giải quyết hiệu quả bằng AI để thí điểm, đánh giá và nhân rộng các mô hình thành công. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh, góp phần hình thành hệ sinh thái ứng dụng AI rộng khắp trong nền kinh tế và xã hội.

6. Bảo đảm an ninh mạng để xây dựng niềm tin số trong phát triển kinh tế số và xã hội số. Hoàn thiện thể chế về an ninh mạng theo nguyên tắc an toàn từ khâu thiết kế, phát triển và vận hành hạ tầng số, nền tảng số; triển khai mô hình bảo vệ nhiều lớp, tăng cường giám sát và ứng cứu sự cố. Phổ cập các công cụ, nền tảng bảo vệ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số; xây dựng hệ sinh thái tín nhiệm mạng và phát triển thị trường bảo hiểm an ninh mạng. Đồng thời nâng cao năng lực quốc gia về an ninh mạng thông qua việc xây dựng các trung tâm an ninh mạng theo chuẩn quốc tế; ban hành các tiêu chuẩn an toàn cho các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, điện toán đám mây, dữ liệu lớn và các công nghệ tiên tiến khác.

7. Phát triển nguồn nhân lực số toàn diện, bao gồm nhân lực công nghệ số, chuyên gia công nghệ số và lực lượng lao động có năng lực số; phổ cập năng lực số toàn xã hội. Đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược; thúc đẩy học tập suốt đời và chuyển đổi kỹ năng cho người lao động phù hợp với xu thế công nghệ và nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy các mô hình đào tạo gắn với thực tiễn và doanh nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Phát triển thị trường lao động và cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước, lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh mạng phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, vùng, miền. Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu nhân lực và xu thế nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; kết nối lao động và việc làm thông qua các nền tảng số ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo.

8. Phát triển công dân số và văn hóa số làm nền tảng xã hội số an toàn, lành mạnh và bao trùm. Hình thành công dân số với định danh điện tử, năng lực số an toàn, có trách nhiệm; tăng cường hợp tác quốc tế, thúc đẩy các sáng kiến khu vực về công dân số và công nhận lẫn nhau về năng lực số, tiêu chuẩn nghề nghiệp. Phát triển các nền tảng số và mạng xã hội an toàn, lành mạnh mang bản sắc Việt Nam. Tổ chức đánh giá toàn diện tác động của công nghệ đối với đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa để chủ động kiểm soát, giảm thiểu các tác động tiêu cực do công nghệ mang lại.

Mở rộng các tiện ích trên nền tảng VNeID phục vụ người dân, doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu khác, từng bước nghiên cứu khả năng liên thông, công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia trong khu vực.

9. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt, làm chủ công nghệ số chiến lược, phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm “Make in Vietnam” và vươn ra thị trường quốc tế. Phát huy vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp công nghệ lớn, doanh nghiệp nhà nước thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số chủ động áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng và tăng cường phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Phát triển quản trị số quốc gia dựa trên dữ liệu, minh bạch, hiệu quả; đẩy mạnh số hóa, tự động hóa quản lý và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực; hoàn thiện cơ chế quản trị nền tảng số và thử nghiệm chính sách; tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá.

11. Thúc đẩy phát triển các thị trường hiện đại phục vụ kinh tế số, trong đó tập trung vào thị trường đổi mới sáng tạo và công nghệ, thị trường dữ liệu, thị trường tín chỉ carbon, sàn giao dịch tài sản và hệ thống các tổ chức định giá độc lập, trung tâm phân tích và cảnh báo rủi ro chuỗi cung ứng; bảo đảm vận hành minh bạch, an toàn, hiệu quả, công bằng.

12. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp số trên cơ sở tích hợp công nghệ số, dữ liệu và quản trị thông minh vào toàn bộ chuỗi giá trị “từ đồng ruộng đến bàn ăn”. Đẩy mạnh ứng dụng IoT, cảm biến, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong sản xuất nông nghiệp chính xác; phát triển các nền tảng số nông nghiệp, sàn giao dịch nông sản và hệ thống truy xuất nguồn gốc, dự báo thị trường. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin ngành nông nghiệp phục vụ quản lý và sản xuất; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, thúc đẩy tiếp cận tài chính số, thị trường số và dịch vụ số, hướng tới nông nghiệp xanh, thông minh và bền vững.

b) Tài nguyên và môi trường

Phát triển kinh tế số gắn với mục tiêu phát triển xanh, bền vững. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tài nguyên và môi trường; triển khai các nền tảng số giám sát môi trường tích hợp IoT, dữ liệu viễn thám và trí tuệ nhân tạo để thu thập, phân tích dữ liệu và cảnh báo ô nhiễm. Phát triển hệ thống bản đồ số, hạ tầng quan sát trái đất và ứng dụng vệ tinh tầm thấp phục vụ

quản lý tài nguyên, môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống thông tin quản lý biển, hải đảo. Phát triển các nền tảng số kiểm kê khí nhà kính, thị trường tín chỉ carbon và đào tạo nguồn nhân lực dữ liệu phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường.

c) Du lịch

Ứng dụng công nghệ số phục vụ quản trị, vận hành hiệu quả các cơ sở du lịch (lưu trú - lưu hành - ăn uống - điểm đến), nâng cao trải nghiệm của du khách; phát triển nền tảng dữ liệu số du lịch quốc gia. Xây dựng các hệ thống thông tin quảng bá và xúc tiến du lịch quốc gia, trong đó đa dạng hóa hình thức du lịch thông qua các chương trình du lịch số, du lịch thực tế ảo; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo hướng tới hình thành các điểm đến thông minh và cá nhân hóa trải nghiệm. Phát triển nhân lực ngành du lịch có kỹ năng sử dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh du lịch và các kỹ năng theo tiêu chuẩn nghề du lịch trong nước và ngoài nước.

d) Văn hóa, thể thao

Phát triển văn hóa số, thể thao số nhằm thúc đẩy công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, lan tỏa bản sắc Việt Nam và tạo động lực tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh số hóa di sản, di tích, bảo tàng, thư viện, tác phẩm văn học, nghệ thuật và dữ liệu thể thao; xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu văn hóa, thể thao với các cơ sở dữ liệu khác. Phát triển nền tảng số, ứng dụng AI, 3D/VR trong sáng tạo, phân phối, trải nghiệm, huấn luyện, quản lý và khai thác thương mại; tăng cường bảo vệ bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện ứng xử văn hóa trên môi trường số và khuyến khích doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa, mô hình kinh doanh mới trên môi trường số. Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa - sáng tạo nội dung và không gian sáng tạo mở để tăng cường khả năng tiếp cận, sáng tạo và thụ hưởng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa cho người dân, tạo động lực tăng trưởng kinh tế.

đ) Thương mại

Phát triển kinh tế số trong thương mại, lấy thương mại điện tử và tiêu dùng số làm động lực; thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động kinh doanh, phân phối và xuất khẩu trực tuyến. Phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử nội địa gắn với logistics số, thanh toán số, định danh, xác thực điện tử, truy xuất nguồn gốc và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất địa phương tham gia sàn thương mại điện tử, nâng cao năng lực kinh doanh số, marketing số và xây dựng thương hiệu số. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; khuyến khích hợp đồng điện tử, chứng từ điện tử, chữ ký số, phát triển cơ sở dữ liệu thị trường, cơ sở dữ liệu bảo vệ người tiêu dùng và đào tạo nhân lực số cho thương mại, xuất nhập khẩu, thanh toán và logistics.

e) Logistics

Tối ưu hóa logistics toàn trình thông qua ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số toàn diện các khâu trong toàn bộ chuỗi quá trình đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến tận tay người tiêu dùng; hình thành chuỗi cung ứng minh bạch, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh cao. Thúc đẩy các nền tảng quản trị và kinh doanh logistics hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp logistics nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng; triển khai thử nghiệm mô hình cảng mở và khu thương mại tự do (FTZ). Đào tạo nhân lực có kỹ năng quản trị, vận hành giải pháp logistics, cảng biển, cửa khẩu, hải quan, khu thương mại tự do.

g) Công nghiệp chế biến, chế tạo

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại để thực hiện chuyển đổi các nhà máy trở thành các nhà máy thông minh phù hợp với xu hướng phát triển xanh.

Hỗ trợ doanh nghiệp và các cụm công nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng quản lý sản xuất (ERP, MES, SCADA), triển khai Internet vạn vật trong công nghiệp (IIoT) và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, kiểm soát chất lượng. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật về hạ tầng kết nối, định danh thiết bị và an ninh mạng trong sản xuất; đẩy mạnh quan trắc môi trường, quản trị năng lượng thông minh, áp dụng công nghệ carbon thấp, sản xuất sạch theo các tiêu chuẩn ESG. Đào tạo nguồn nhân lực cho sản xuất thông minh, quản trị số trong công nghiệp và đào tạo chuyên gia có năng lực thiết kế, triển khai, vận hành nhà máy thông minh.

h) Năng lượng

Ưu tiên hiện đại hóa hạ tầng điện lực, phát triển lưới điện thông minh nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, tối ưu hóa quản lý tiêu thụ và tích hợp hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dự báo phụ tải, dự báo sản lượng điện gió, điện mặt trời và tự động hóa lưới điện truyền tải, phân phối. Phát triển hệ thống quản lý năng lượng phân tán (DERMS) và triển khai công tơ điện thông minh thu thập dữ liệu theo thời gian thực, góp phần tối ưu hóa và tiết kiệm điện.

i) Giáo dục và đào tạo

Giáo dục phổ thông: Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, hình thành hệ sinh thái giáo dục số kết nối học sinh, gia đình, nhà trường và cơ quan quản lý. Xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục, hồ sơ học tập số, học bạ số, quản lý văn bằng, chứng chỉ gắn với định danh cá nhân và liên thông dữ liệu quốc gia. Phát triển kho học liệu số quốc gia, học liệu mở, sách giáo khoa điện tử, mô phỏng, phòng thí nghiệm ảo; ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và cá nhân hóa học tập. Phổ cập năng lực số, STEM/STEAM, AI, rô-bốt; xây dựng môi trường học tập số an toàn, nâng cao năng lực số cho giáo viên và nhân rộng lớp học thông minh, trường học thông minh.

Giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Phát triển các cơ sở đào tạo trọng điểm thành hạt nhân đào tạo nhân lực số; xây dựng và triển khai mô hình giáo dục đại học số, cơ chế công nhận, tích lũy và chuyển đổi kết quả học tập theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thông lệ quốc tế. Xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực số theo từng cấp học, trình độ đào tạo, từng bước tiệm cận chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế, hướng tới thúc đẩy công nhận lẫn nhau về năng lực số giữa Việt Nam và các quốc gia. Xây dựng hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, kết nối với dữ liệu thị trường lao động, việc làm. Đầu tư trung tâm đào tạo chuyên sâu về AI, bán dẫn, công nghệ chiến lược; thu hút chuyên gia quốc tế, nhà khoa học đầu ngành, người Việt Nam ở nước ngoài và nhân lực trình độ cao tham gia đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

k) Lao động và việc làm

Hiện đại hóa quản lý và phát triển thị trường lao động số minh bạch, hiệu quả trên nền tảng dữ liệu. Xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phát triển các nền tảng giao dịch việc làm trực tuyến, nền tảng hợp đồng lao động điện tử và phổ cập số lao động điện tử. Đẩy mạnh số hóa công tác an toàn, vệ sinh lao động gắn với hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội; công bố định kỳ dự báo nhu cầu nhân lực để định hướng đào tạo. Hoàn thiện chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, lồng ghép năng lực số và năng lực xanh.

l) An sinh xã hội

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội, chuyển từ quản lý thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện kịp thời, minh bạch, đúng đối tượng. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm mỗi đối tượng thụ hưởng được định danh điện tử để quản lý thống nhất. Đẩy mạnh chi trả các chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt; phát triển các nền tảng và ứng dụng số hỗ trợ người yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật tiếp cận thuận lợi các dịch vụ an sinh và dịch vụ công.

m) Bảo hiểm xã hội

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội số dựa trên quản trị dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và bảo đảm quyền lợi của người tham gia. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan; từng bước dữ liệu hóa toàn bộ vòng đời bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh liên thông dữ liệu giữa bảo hiểm xã hội với cơ quan thuế, đăng ký doanh nghiệp và các cơ quan liên quan nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, hạn chế trốn đóng và nợ đóng bảo hiểm xã hội.

n) Y tế

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu y tế, bảo hiểm y tế, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ từ trung ương đến cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khám bệnh, chữa bệnh và bảo hiểm y tế. Triển khai sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử gắn với định danh điện tử của người dân. Phát triển các nền tảng y tế số phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ như quản lý hành nghề, đơn thuốc điện tử, tiêm chủng và khám bệnh, chữa bệnh từ xa và các dịch vụ y tế số cơ bản khác. Tăng cường đào tạo nhân lực y tế số và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị, theo dõi sức khỏe và quản lý y tế, bảo hiểm.

o) Xây dựng và giao thông vận tải

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải trên cơ sở số hóa toàn bộ vòng đời công trình (quy hoạch, thiết kế, thi công, vận hành); ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM), tiến tới hình thành các bản sao số đối với các công trình, đô thị và hạ tầng trọng điểm; phát triển đô thị thông minh và giao thông thông minh (điều khiển thông minh, thu phí không dừng) tại các đô thị lớn và từng bước mở rộng ra các đô thị khác.

p) Tài chính - Ngân hàng

Phát triển thanh toán số, phổ cập tài chính số nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, tăng tính minh bạch và giảm chi phí giao dịch trong nền kinh tế. Mở rộng các phương thức thanh toán điện tử, đặc biệt là các kênh ngoài ngân hàng như tiền di động (Mobile Money), ví điện tử và các nền tảng thanh toán số; tăng cường cung cấp dịch vụ tài chính số tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu thử nghiệm tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương (CBDC) và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng cho các mô hình công nghệ tài chính mới; nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế và thúc đẩy kết nối thanh toán số trong nước, xuyên biên giới.

q) Các ngành, lĩnh vực khác

Các ngành, lĩnh vực khác, căn cứ mục III của Quyết định này, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực mình.

13. Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo và các chủ thể kinh tế trong đầu tư, xây dựng, khai thác hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu và dịch vụ số; phát triển nguồn nhân lực số; triển khai thử nghiệm có kiểm soát với công nghệ, dịch vụ mới; tăng cường chia sẻ, nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Thu hút công nghệ, tri thức và nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ; chủ động tham gia các sáng kiến, thỏa thuận quốc tế về kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường quốc

tế cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

14. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số, xã hội số thông qua các diễn đàn, hội nghị, triển lãm trong nước và quốc tế; lan tỏa hình ảnh Việt Nam chủ động trong kỷ nguyên số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và du lịch. Phát triển các kênh truyền thông, hỗ trợ tư vấn, hỏi đáp và trợ lý ảo nhằm giúp người dân, doanh nghiệp hiểu, tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi hiệu quả từ công nghệ số.

15. Chủ động nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, cập nhật các xu hướng công nghệ mới và mô hình phát triển tiên tiến để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế số và xã hội số; bảo đảm Chương trình có tính mở, linh hoạt và thích ứng cao trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí để thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan bao gồm các nguồn chi ngân sách được bố trí trực tiếp theo dự toán và các nguồn chi được thực hiện thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan;

- Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính ngoài ngân sách hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi thực hiện Chương trình bao gồm:

a) Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Mục III Điều 1 và Phụ lục của Quyết định này;

b) Các hoạt động thực hiện quản lý, điều phối, tổng hợp, đánh giá, báo cáo, sơ kết, tổng kết và tổ chức triển khai Chương trình theo quy định của pháp luật;

3. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức triển khai Chương trình; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Chương trình; đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình khi cần thiết;

b) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực, địa phương;

c) Hướng dẫn, rà soát, tổng hợp chung kinh phí thực hiện Chương trình trong phương án dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết; phối hợp với các cơ quan liên quan phát động phong trào thi đua, khen thưởng và kịp thời biểu dương các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế số và xã hội số;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này;

e) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất và kiến nghị tại Tờ trình số 179/TTr-BKHCN ngày 07 tháng 10 năm 2025, Văn bản số 3683/BKHCN-KTXHS ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 3860/BKHCN-KTXHS ngày 04 tháng 6 năm 2026.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì cân đối nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổng hợp phương án đề xuất dự toán chi lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm việc bố trí kinh phí thực hiện Chương trình này) trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực, địa phương được

giao tại Quyết định này;

b) Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép đầy đủ trong các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả; bố trí nguồn lực, tổ chức đo lường các mục tiêu, chỉ tiêu được giao; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định;

c) Định kỳ trước 20/12 hằng năm gửi thông tin về tình hình, kết quả triển khai thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xây dựng kế hoạch hành động, huy động đoàn viên, hội viên tham gia triển khai Chương trình, đặc biệt trong phổ cập năng lực số, phát triển công dân số và tham gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.

5. Các doanh nghiệp công nghệ số

a) Doanh nghiệp viễn thông, bưu chính ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp;

b) Doanh nghiệp công nghệ số phát triển nền tảng số, tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và trải nghiệm người dùng; bảo đảm an ninh mạng cho các nền tảng số, dịch vụ số;

c) Phối hợp với các bộ, ngành, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cập nhật, phát triển các chương trình đào tạo công nghệ số, điện tử - viễn thông, an ninh mạng; tham gia triển khai, nhân rộng mô hình “học từ làm”.

6. Các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế:

a) Phát huy vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo và dẫn dắt chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực then chốt;

b) Xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số toàn diện, hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến trên môi trường số, phát triển và làm chủ các nền tảng số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ lõi, công nghệ chiến lược;

c) Khuyến khích tham gia phát triển, chia sẻ và khai thác hạ tầng dữ liệu dùng chung, hạ tầng số và nền tảng số theo điều kiện thực tế bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia chuyển đổi số theo chuỗi giá trị.

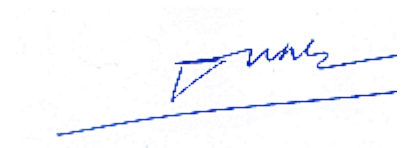
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CDS (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Quốc Dũng